TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST Ngày 23/3/2021 V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn.

2. Ông Dương Văn Thoi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên *tham gia phiên toà:* Ông Ong Văn Chúc -Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXX- ST ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 23/02/2021, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1970 – Có mặt.

2.Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1972 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Hoàng Văn C trình bày: Anh C kết hôn với chị Nguyễn Thị V tháng 10/1991 khi cưới có tìm hiểu trong thời gian khoảng 2-3 tháng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì luôn xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn lớn, nguyên nhân do hai bên không hòa hợp tính tình nên hay xảy ra cãi chửi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn gia đình và chính quyền không hòa giải. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, hiện tại hai người sống khác nhà và không ăn ở cùng nhau. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn chị V theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh C trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng anh C không cung cấp giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án được. Trước đây vào năm 2013 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn anh cửu đã nộp đơn xin ly hôn và đăng ký kết hôn đến Tòa án huyện Việt Yên nhưng không được giải quyết, nay anh C không cung cấp được đăng ký kết hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 06/9/1992 nay đã trưởng thành và đang phục vụ trong quân đội và Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 10/5/2003 nay đang học lớp 12 trường THPT số 1 Việt Yên. Hiện nay cháu H đang ở cùng vợ chồng, đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn anh C nhận nuôi con nhỏ của vợ chồng và không yêu cầu chị V cấp dưỡng. Hiện tại anh C làm nghề sửa chữa xe máy và xe đạp, thu nhập bình quân khoảng 3.000.000đồng/ 1 tháng.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: chị V kết hôn với anh Hoàng Văn C ngày 16/10/1991(âm lịch), khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V. Cưới xong vợ chồng đoàn tụ chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng cơ bản là hòa thuận, đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhỏ không đáng kể. Hiện nay vợ chồng vẫn chung sống bình thường, không có mâu thuẫn lớn xảy ra và vợ chồng vẫn cùng có trách nhiệm với gia đình. Nay anh C có đơn xin ly hôn chị V xác tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị V không nhất trí ly hôn anh C.

Vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng chị V không cung cấp cho Tòa án bản đăng ký kết hôn được.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 06/9/1992 nay đã trưởng thành và đang phục vụ trong quân đội và Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 10/5/2003 nay đang học lớp 12 trường THPT số 1 Việt Yên, hiện nay con nhỏ đang ở cùng vợ chồng, đời sống được đảm bảo.

Nếu vợ chồng phải ly hôn con lớn không yêu cầu Tòa án giải quyết, con nhỏ ở với ai là tùy cháu. Hiện nay chị V đang làm cấp dưỡng trường tiểu học thị trấn B, mức thu nhập bình quân khoảng 5-7 triệu/ 1 tháng.

- Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân chị V đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, về con chung chị V nhận nuôi con nhỏ của vợ chồng và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp

luật. Đại diện Viện kiểm đề nghị HĐXX áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2014/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn C và chị Nguyễn Thị V.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 10/5/2003 cho chị V nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị V có hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Hoàng Văn C và chị Nguyễn Thị V chung sống với nhau từ năm 1991, anh C và chị V đều trình bày khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V nhưng cả hai anh chị đều không cung cấp được đăng ký kết hôn cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã N, huyện V về việc đăng ký kết hôn giữa anh C và chị V; UBND xã N cung cấp thông tin hiện nay không lưu giữ được sổ theo dõi đăng ký kết hôn năm 1991. Căn cứ lời khai của anh C, Tòa án đã kiểm tra toàn bộ các sổ nhận đơn và các sổ theo dõi đơn khởi kiện về tranh chấp Hôn nhân và gia đình tại Tòa án nhân dân huyện Việt Yên từ năm 2013 đến năm 2016 thì không có tài liệu nào thể hiện anh C đã nộp đơn và đăng ký kết hôn tại tòa, ngoài ra không có tài liệu nào thể hiện anh C và chị V có đăng ký kết hôn. Vì vậy không có căn cứ xác định anh C và chị V khi cưới có đăng ký kết hôn. Nay anh C và chị V có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy không công nhận anh Hoàng Văn C và chị Nguyễn Thị V là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 – Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 06/9/1992 nay đã trưởng thành và đang phục vụ trong quân đội và Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 10/5/2003 nay đang học lớp 12 trường THPT số 1 Việt Yên, hiện nay con nhỏ đang ở cùng anh C và chị V đời sống được đảm bảo. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn về con lớn không yêu cầu giải quyết. Anh C và chị V

đều nhận con nhỏ là Hoàng Thị Thanh H và không yêu cầu cấp dưỡng, hiện tại chị V có mức thu nhập khoảng 5.000.000đồng - 7.000.000đồng đồng/ 1 tháng, anh C có mức thu nhập khoảng 2.000.000đồng - 3.000.000đồng/ 1 tháng. Xét yêu cầu nuôi con của chị V là có căn cứ hơn, bởi lẽ chị V có mức thu nhập cao hơn anh C, hơn nữa cháu H là con gái đang ở độ tuổi phát triển về thể chất cũng như tâm sinh lý rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về mọi mặt cần giao cháu H cho chị V nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do chị V không yêu cầu nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác anh C và chị V không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

1-Quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Hoàng Văn C và chị Nguyễn Thị V là vợ chồng.

2-Con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V được nuôn con Hoàng Thị Thanh H, sinh ngày 10/5/2003. Anh Hoàng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị V.

Anh Hoàng Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3-Án phí: Anh Hoàng Văn C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng anh C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001363 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận anh Hoàng Văn C đã nộp đủ án phí).

Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Việt Yên;
-Chi cục THADS huyện Việt Yên;
-UBND xã N;
-Đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp